TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 45/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 24 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 19/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Tấn P, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 0.25 c/c C2 đường B, Phường 7, Quận T, Thành phố H; tạm trú: Số 136B/5 đường C, xã A, huyện C, Thành phố H.

Bị đơn: Bà Thái Ngọc P, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 0.25 c/c C2 đường B, Phường 7, Quận T, Thành phố H; tạm trú: A1-10-01 chung cư E, Khu phố 2, phường P, Quận B, Thành phố H.

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Tấn P, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 0.25 c/c C2 đường B, Phường 7, Quận T, Thành phố H; tạm trú: Số 136B/5 đường C, xã A, huyện C, Thành phố H.

Bị đơn: Bà Thái Ngọc P, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 0.25 c/c C2 đường B, Phường 7, Quận T, Thành phố H; tạm trú: A1-10-01 chung cư E, Khu phố 2, phường P, Quận B, Thành phố H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Tấn P và bà Thái Ngọc P thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 93 do Ủy ban nhân dân phường T, quận N, thành phố C cấp ngày 06/9/2004).

2.2 Về con chung: Có 02 (hai) con chung, họ và tên: Huỳnh Thái N, sinh ngày 07/5/2007 (nữ) và Huỳnh Thái M, sinh ngày 07/5/2007 (nữ), giao hai con chung là trẻ Huỳnh Thái N và Huỳnh Thái M cho bà Thái Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng, ông Huỳnh Tấn P cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 8.000.000 (Tám triệu) đồng, mỗi trẻ 4.000.000 đồng/tháng (Bốn triệu đồng mỗi tháng), cấp dưỡng vào ngày 25 hàng tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 02 năm 2019 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông Huỳnh Tấn P chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông Huỳnh Tấn P còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Ông Huỳnh Tấn P có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

2.4 Về nợ chung: Không có nợ chung.

2.5 Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Tấn P tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0026574 ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Huỳnh Tấn P đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- UBND phường T, quận N, thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ. (TK.Thơm)

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Diễm Phương